

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 3- 2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bao Ngọc H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 268 ấp P, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Ph, sinh năm 1972 (Lâm Thị Ph, sinh năm 1969).

Địa chỉ: Số nhà 268 ấp P, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bao Ngọc H trình bày:

Ông Bao Ngọc H kết hôn với bà Lâm Thị Ph từ năm 1988 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/2011. Trong thời gian sống chung, vợ chồng đã có 02 (hai) con chung là Bao Ngọc Thị Hải Y (nữ) sinh ngày 24/10/1989 và Bao Ngọc Hoàng A (nam) 08/8/1992. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, mâu thuẫn ngày càng chồng chất nên hôn nhân không hạnh phúc.

Nay, ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không thể hàn gắn hạnh phúc được nữa, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bao Ngọc H yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị Ph .

- Về con chung: Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do ông H giao nộp là Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân của con là Bao Ngọc Hoàng A , bản sao giấy khai sinh của con là Bao Ngọc Thị Hải Y , đơn xin xác nhận hai năm sinh cùng là một người đối với bà Lâm Thị Ph và đơn xác nhận chưa được cấp sổ nhà.

- Bị đơn Lâm Thị Ph trình bày: Bà Ph và ông Bao Ngọc H tổ chức lễ cưới vào năm 1988, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/2011. Trong thời gian sống chung, vợ chồng đã có 02 (hai) con chung là Bao Ngọc Thị Hải Y (nữ) sinh ngày 24/10/1989 và Bao Ngọc Hoàng A (nam) 08/8/1992. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H không chung thủy nên thường xuyên tranh chấp cãi vã.

Nay, ông H yêu cầu ly hôn, bà Ph không đồng ý, ông H muốn đi đâu, lấy ai thì lấy chứ bà Ph không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông H khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bà Ph . Yêu cầu của ông H được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn ông Bao Ngọc H , Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của các con cũng như lời thừa nhận của bị đơn Lâm Thị Ph đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của ông H và bà Ph về việc kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/2011 và vợ chồng đã có 02 (hai) con chung là sự thật. Vì vậy, giữa ông H và bà Ph đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay ông H và bà Ph đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, ông H và bà Ph đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho ông H được ly hôn với bà Ph .

Về con chung: ông H và bà Ph khẳng định con chung đã thành niên, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản và nợ chung: ông H và bà Ph tiếp tục khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông H phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Bao Ngọc H được ly hôn với bà Lâm Thị Ph .

2. Về con chung: Các đương sự khẳng định 02 (hai) con chung là Bao Ngọc Thị Hải Y (nữ) sinh ngày 24/10/1989 và Bao Ngọc Hoàng A (nam) 08/8/1992 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bao Ngọc H phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006436 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bao Ngọc H và bà Lâm Thị Ph có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU